

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 04 trang)

MÃ ĐỀ: 305

Câu 1. Các quỹ dự trữ quốc gia thuộc thành phần nào dưới đây ?

- A. Kinh tế tư nhân. B. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
C. Kinh tế nhà nước. D. Kinh tế tập thể.

Câu 2. Mạng di động A khuyến mãi giảm 50% giá trị thẻ nạp, một tuần sau mạng B và C cũng đưa ra chương trình khuyến mãi tương tự. Hiện tượng này phản ánh quy luật nào dưới đây của thị trường?

- A. Quy luật cạnh tranh. B. Quy luật lưu thông tiền tệ.
C. Quy luật cung cầu. D. Quy luật giá trị.

Câu 3. Chủ thể nào dưới đây vận dụng quan hệ cung – cầu bằng cách ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp việc sản xuất kinh doanh?

- A. Nhà nước. B. Người sản xuất.
C. Nhân dân. D. Người tiêu dùng.

Câu 4. Cạnh tranh không lành mạnh có dấu hiệu nào dưới đây?

- A. Vi phạm truyền thống và văn hóa dân tộc.
B. Vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức.
C. Vi phạm văn hóa và vi phạm pháp luật.
D. Vi phạm truyền thống văn hóa và quy định của Nhà nước.

Câu 5. Một trong những nhiệm vụ kinh tế cơ bản của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay là

- A. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
B. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.
C. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
D. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu 6. Khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định, tương ứng với giá cả và thu nhập được gọi là

- A. thị trường. B. nhu cầu. C. cung. D. cầu.

Câu 7. Loại cạnh tranh nào dưới đây là động lực của nền kinh tế?

- A. Cạnh tranh giữa người bán và người mua.
B. Cạnh tranh trong nội bộ ngành.
C. Cạnh tranh giữa các ngành.
D. Cạnh tranh lành mạnh.

Câu 8. Khi phát hiện một cửa hàng chuyên tiêu thụ hàng giả, em sẽ làm theo phương án nào dưới đây?

- A. Báo cho cơ quan chức năng biết.
B. Vẫn mua hàng hóa ở đó vì giá rẻ hơn nơi khác.
C. Không đến cửa hàng đó mua hàng nữa.
D. Tự tìm hiểu về nguồn gốc số hàng giả đó.

Câu 9. Kinh tế tư nhân có cơ cấu bao gồm

- A. Kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tập thể.
B. Kinh tế tập thể và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
C. Kinh tế tư bản tư nhân và tư bản nhà nước.
D. Kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân.

Câu 10. Công nghệ vi sinh, kĩ thuật gen và nuôi cấy tế bào được ứng dụng ngày càng nhiều trong các lĩnh vực là biểu hiện của quá trình nào ở nước ta hiện nay?

- A. Hiện đại hóa. B. Công nghiệp hóa. C. Tự động hóa. D. Trí thức hóa.

Câu 11. Những người sản xuất kinh doanh đua nhau cải tiến máy móc hiện đại và nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động là thể hiện mặt tích cực nào dưới đây của cạnh tranh?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế.
B. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng lên.
C. Góp phần ổn định thị trường hàng hóa.
D. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.

Câu 12. Phương án nào dưới đây là đúng?

- A. Giá cả tăng do cung < cầu. B. Giá cả tăng do cung > cầu.
C. Giá cả tăng do cung ≤ cầu. D. Giá cả tăng do cung = cầu.

Câu 13. Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là

- A. toàn diện. B. thiết thực và hiệu quả.
C. một số mặt. D. to lớn và toàn diện.

Câu 14. Kinh tế nước ta là thành phần kinh tế

- A. Dựa trên hình thức sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất.
B. Dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.
C. Dựa trên nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất.
D. Dựa trên hình thức sở hữu nhà nước về tư liệu sản xuất.

Câu 15. Phương án nào dưới đây thể hiện mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Gây ra hiện tượng lạm phát.
B. Tiền giấy khan hiếm trên thị trường.
C. Đầu cơ tích lũy gây rối loạn thị trường.
D. Làm cho cung lớn hơn cầu.

Câu 16. Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò chủ đạo, nắm giữ các lĩnh vực, vị trí then chốt trong nền kinh tế quốc dân?

- A. Kinh tế tư bản nhà nước. B. Kinh tế nhà nước.
C. Kinh tế tập thể. D. Kinh tế tư nhân.

Câu 17. Để xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại và hiệu quả trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế. B. chuyển đổi mô hình sản xuất.
C. chuyển đổi hình thức kinh doanh. D. chuyển dịch lao động.

Câu 18. Biểu hiện nào dưới đây không phải là cầu?

- A. Anh Nam mua một chiếc xe máy bằng hình thức trả góp.
B. Chị Mai cần mua một chiếc xe đạp điện với giá 15 triệu đồng.
C. Bạn Lan đi siêu thị mua hàng thanh toán hết 500.000đ.
D. Bác Hùng có nhu cầu mua ô tô nhưng không đủ tiền.

Câu 19. Bên cạnh những thuận lợi thì hội nhập kinh tế quốc tế cũng đem lại những khó khăn thách thức cho các doanh nghiệp, đó là

- A. nâng cao năng lực cạnh tranh. B. tăng cường quá trình hợp tác.
C. cạnh tranh sẽ ngày càng khốc liệt. D. cạnh tranh ngày càng nhiều.

Câu 20. Chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu bằng cách điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp thích hợp ?

- A. Người sản xuất. B. Nhân dân. C. Nhà nước. D. Người tiêu dùng.

Câu 21. Hành vi xả nước thải chưa xử lí ra sông của Công ty V trong hoạt động sản xuất thể hiện mặt hạn chế nào dưới đây trong cạnh tranh?

- A. Gây rối loạn thị trường.
B. Làm cho môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng.
C. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bắt lương.

D. Làm cho nền kinh tế bị suy thoái.

Câu 22. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với phát triển kinh tế tri thức là nội dung cơ bản nào dưới đây của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta ?

A. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại và hiệu quả.

B. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

C. củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

D. Rút ngắn khoảng cách lạc hậu so với các nước phát triển.

Câu 23. Biểu hiện nào dưới đây không phải là cung?

A. Rau sạch được các hộ gia đình trồng để ăn, không bán.

B. Công ty sơn H hàng tháng sản xuất được 3 triệu thùng sơn để đưa ra thị trường.

C. Quần áo được bày bán ở các cửa hàng thời trang.

D. Đồng bằng sông Cửu Long chuẩn bị thu hoạch 10 tấn lúa để xuất khẩu.

Câu 24. Những chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu?

A. Mọi tầng lớp nhân dân và các công ty sản xuất.

B. Mọi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

C. Nhà nước, mọi công dân, mọi doanh nghiệp.

D. Nhà nước, người sản xuất, người tiêu dùng.

Câu 25. Một trong những nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay là gì?

A. Rút ngắn khoảng cách lạc hậu so với các nước phát triển.

B. Tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

C. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

D. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Câu 26. Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Triệt tiêu các doanh nghiệp cùng ngành.

B. Thu lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.

C. Khai thác tối đa mọi quyền lực của đất nước.

D. Một số người sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bất lương.

Câu 27. Ở nước ta công nghiệp hóa phải gắn liền với hiện đại hóa vì

A. công nghiệp hóa luôn gắn liền với hiện đại hóa.

B. các nước trên thế giới đều thực hiện đồng thời hai quá trình này.

C. nước ta thực hiện công nghiệp hóa muộn so với các nước khác.

D. đó là nhu cầu của xã hội.

Câu 28. Thành phần kinh tế nào dưới đây không có trong nền kinh tế nước ta hiện nay?

A. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

B. Kinh tế tập thể.

C. Kinh tế hỗn hợp.

D. Kinh tế tư nhân.

Câu 29. Nền kinh tế của nước ta hiện nay phát triển theo định hướng nào?

A. Hiện đại hóa. **B.** Công nghiệp hóa

C. Xã hội chủ nghĩa. **D.** Tư bản chủ nghĩa.

Câu 30. Yếu tố nào dưới đây là căn cứ trực tiếp để xác định thành phần kinh tế?

A. Sở hữu tư liệu sản xuất.

B. Quan hệ sản xuất.

C. Các quan hệ trong xã hội.

D. Lực lượng sản xuất.

Câu 31. Yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động cao hơn là một trong các nội dung của

A. tình trạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

B. đặc điểm quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

C. tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

D. nguyên nhân dẫn đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 32. Khi cầu về mặt hàng quạt điện giảm mạnh vào mùa đông, yếu tố nào dưới đây của thị trường sẽ giảm theo?

- A. Giá trị. B. Giá cả.
C. Cạnh tranh. D. Giá trị sử dụng.

Câu 33. Một trong những tác động to lớn, toàn diện của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là

- A. các dân tộc trong nước đoàn kết, bình đẳng.
B. xây dựng được nền kinh tế nhiều thành phần.
C. con người có điều kiện phát triển toàn diện.
D. tạo tiền đề thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế- xã hội.

Câu 34. Gia đình H có 1 ha trồng rau sạch cung cấp cho thị trường, hiện nay giá của các loại rau sạch đều tăng. Bố H quyết định mở rộng diện tích trồng, mẹ H thì muốn giữ nguyên quy mô sản xuất, chị H thì lại khuyên thu hẹp diện tích gieo trồng. Theo em, nên làm theo ý kiến của ai để gia đình H có thêm lợi nhuận?

- A. Mẹ H và chị H. B. Bố H. C. Mẹ H. D. Chị H.

Câu 35. Quan điểm nào dưới đây về nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là đúng?

- A. Chuyển mạnh từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp.
B. Phát triển mạnh mẽ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.
C. Xây dựng một nền kinh tế tri thức toàn diện gắn với tự động hóa.
D. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả.

Câu 36. Ý kiến nào dưới đây không đúng khi bàn về cạnh tranh?

- A. Cạnh tranh có hai mặt: mặt tích cực và mặt hạn chế.
B. Cạnh tranh là quy luật kinh tế khách quan.
C. Mặt tích cực của cạnh tranh là cơ bản.
D. Mặt hạn chế của cạnh tranh là cơ bản.

Câu 37. Để phân biệt cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh, cần dựa vào những tiêu chí nào dưới đây?

- A. Tính truyền thống, tính nhân văn và hệ quả.
B. Tính đạo đức, tính pháp luật và hệ quả.
C. Tính đạo đức và tính nhân văn.
D. Tính hiện đại, tính pháp luật và tính đạo đức.

Câu 38. Thực chất của quan hệ cung – cầu là mối quan hệ giữa các chủ thể nào dưới đây?

- A. Nhà nước với doanh nghiệp. B. Người sản xuất với người tiêu dùng.
C. Doanh nghiệp với doanh nghiệp. D. Người kinh doanh với Nhà nước.

Câu 39. Việc sản xuất và kinh doanh hàng giả là mặt hạn chế nào dưới đây của cạnh tranh?

- A. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.
B. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất.
C. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bất lương.
D. Làm cho môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng.

Câu 40. Nòng cốt của nền kinh tế tập thể là gì?

- A. Doanh nghiệp tư nhân. B. Cửa hàng kinh doanh.
C. Công ty cổ phần. D. Hợp tác xã.

----- **HẾT** -----

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I – NĂM 2022 – 2023
MÔN GDCD- KHỐI 11

Câu	Mã đề			
	305	406	517	628
1	C	C	C	C
2	A	B	B	D
3	B	A	B	C
4	B	B	D	C
5	A	D	C	D
6	D	B	B	D
7	D	B	C	A
8	A	C	A	B
9	D	C	C	B
10	A	B	D	B
11	B	A	C	A
12	A	A	B	A
13	D	A	D	C
14	D	B	C	B
15	C	D	D	C
16	B	C	B	C
17	A	C	D	B
18	D	D	C	D
19	C	D	B	B
20	C	A	A	B
21	B	C	D	B
22	A	A	C	C
23	A	C	D	B
24	D	B	A	B
25	C	B	B	A
26	D	B	D	A
27	C	C	B	B
28	C	D	A	A
29	C	C	C	A
30	A	A	C	B
31	C	B	A	C
32	B	B	C	C
33	D	B	D	C
34	B	B	C	B
35	D	A	A	A
36	D	C	A	B
37	B	C	D	D

38	B	B	B	B
39	C	C	C	B
40	D	C	A	D